

Số: 71/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 07 tháng 11 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

### Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 19 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Xét Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 121/BC-KTNS ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

#### QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Nhất trí thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 quy định tại Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán thu ngân sách nhà nước với số tiền 525.000 triệu đồng; trong đó:

- Giảm thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh với số tiền 500.000 triệu đồng.
- Giảm thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước với số tiền 25.000 triệu đồng.

2. Điều chỉnh giảm dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách tỉnh với số tiền 525.000 triệu đồng; trong đó:

- Giảm chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh với số tiền 500.000 triệu đồng.
- Giảm chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước với số tiền 25.000 triệu đồng.

3. Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh (nguồn chi khác ngân sách tỉnh) để tăng dự toán chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay lại với số tiền 4.000 triệu đồng.

4. Bổ sung dự toán ghi thu ghi chi tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng nhà đầu tư đã ứng trước được khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân, tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát số tiền 12.299,667 triệu đồng.

*(Có phụ lục số 1, 2, 3 kèm theo)*

5. Điều chỉnh tăng nguồn dự toán chi thực hiện chế độ, chính sách của tỉnh và các nhiệm vụ của ngân sách tỉnh theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền tại Phụ lục 6 kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh từ 39.852,241 triệu đồng lên 113.979,338 triệu đồng.

*(Có phụ lục số 4 kèm theo)*

6. Thống nhất phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2024 ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao với tổng số tiền 471.216,313 triệu đồng, cụ thể:

a) Phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao từ nguồn dự toán chi thường xuyên năm 2024 thực hiện chế độ, chính sách của tỉnh và các nhiệm vụ của ngân sách tỉnh theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền với số tiền 13.092,286 triệu đồng.

*(Có phụ lục số 5 kèm theo)*

b) Phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị từ nguồn dự toán chi khác ngân sách tỉnh năm 2024 với số tiền là 45.585,218 triệu đồng, bao gồm:

- Phân bổ nguồn dự toán chi thường xuyên hỗ trợ học bổng hàng năm cho sinh viên Lào là 5.327,517 triệu đồng.

- Phân bổ nguồn dự toán chi thường xuyên (phần kinh phí Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể theo thực tế phát sinh: 56.266 triệu đồng) với số tiền là 40.257,701 triệu đồng. Trong đó, thống nhất khoản kinh phí Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố là 28.087,123 triệu đồng và phân bổ kinh phí tiếp cho các cơ quan, đơn vị là 12.170,578 triệu đồng.

*(Có phụ lục số 6 kèm theo)*

c) Phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan đơn vị thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng và tinh giản biên chế từ nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương ngân sách tỉnh năm 2024 (bao gồm nguồn năm 2023 chuyển sang năm 2024) với số tiền 412.538,810 triệu đồng, trong đó:

- Thực hiện cải cách tiền lương tăng thêm năm 2024 theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng là 411.192,09 triệu đồng, gồm: các cơ quan, đơn vị dự toán khối tỉnh 134.187,09 triệu đồng, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã là 277.005 triệu đồng.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế được quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ là 1.346,720 triệu đồng; trong đó, thống nhất kinh phí Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị dự toán khối tỉnh là 707,706 triệu đồng và phân bổ kinh phí tiếp cho các cơ quan, đơn vị với số tiền là 639,014 triệu đồng.

*(Có phụ lục số 7 kèm theo)*

7. Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố năm 2024 để thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội năm 2024 với tổng số tiền là 190.709,7 triệu đồng.

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn điều chỉnh giám dự toán chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình đã giao cho Bảo hiểm xã hội tỉnh để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố là 65.940,8 triệu đồng; nguồn dự toán chi thực hiện chính sách bảo trợ xã hội là 112.752,1 triệu đồng, nguồn hoàn trả lại cho ngân sách tỉnh từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2024 là 12.016,8 triệu đồng.

*(Có phụ lục số 8 kèm theo)*

8. Điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

a) Điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết theo nội dung thành phần kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 với tổng số tiền là 2.000 triệu đồng.

*(Có phụ lục số 9 kèm theo)*

b) Điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 thực hiện nội dung thành phần số 3: Hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm với số tiền 920 triệu đồng.

*(Có phụ lục số 10 kèm theo)*

9. Điều chỉnh giám dự toán chi thường xuyên năm 2024 đã giao cho các đơn vị dự toán khối tỉnh với số tiền 51.325.408 đồng để hoàn trả lại nguồn thực hiện cải cách tiền lương ngân sách tỉnh năm 2024 theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực III (gồm: Trường Chính trị 35.000.000 đồng, Sở Y tế 16.325.408 đồng).

**Điều 2.** Nghị quyết này điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm

*TK*  
*Nguyễn*

2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

**Điều 3.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 19 (kỳ họp chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 11 năm 2024./.

*V. Nguyễn*

**Nơi nhận:**

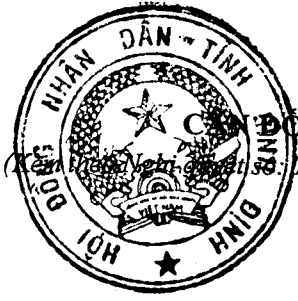
- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

*V. Nguyễn*



**CHỦ TỊCH**

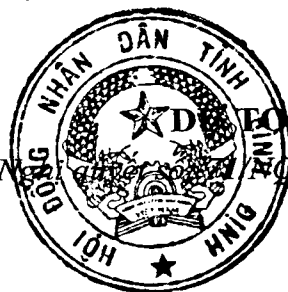
**Hồ Quốc Dũng**


**ĐIỀU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

(theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2024 đã được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 06/12/2023	Đề nghị điều chỉnh tăng, giảm (+/-)	Dự toán năm 2024 sau điều chỉnh
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>15.000.000</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>14.487.299,667</b>
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	14.267.000	-512.700,333	13.754.299,667
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	450.000		450.000,000
3	Thu vay bù đắp bội chi	279.000		279.000,000
4	Thu viện trợ	4.000		4.000,000
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>20.803.369</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>20.290.668,667</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu cân đối NSĐP</b>	<b>13.809.900</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>13.297.199,667</b>
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	8.585.500	-512.700,333	8.072.799,667
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	5.084.400		5.084.400,000
3	Thu xổ số kiến thiết	140.000		140.000,000
<b>II</b>	<b>Thu vay bù đắp bội chi</b>	<b>279.000</b>		<b>279.000,000</b>
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang</b>	<b>691.394</b>		<b>691.394,000</b>
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>	<b>4.000</b>		<b>4.000,000</b>
<b>V</b>	<b>Ngân sách Trung ương bổ sung</b>	<b>6.019.075</b>		<b>6.019.075,000</b>
1	Bổ sung cân đối ổn định	3.656.922		3.656.922,000
2	Bổ sung có mục tiêu	2.362.153		2.362.153,000
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>20.771.669</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>20.258.968,667</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>17.598.791</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>17.086.090,667</b>
1	Chi đầu tư phát triển	7.345.122	-512.700,333	6.832.421,667
2	Chi thường xuyên	9.884.203	-4.000,000	9.880.203,000
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	16.000	4.000,000	20.000,000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.360		1.360,000
5	Dự phòng ngân sách	352.106		352.106,000
<b>II</b>	<b>Chi tạo nguồn thực hiện CCTL</b>	<b>332.120</b>		<b>332.120,000</b>
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn thu viện trợ</b>	<b>4.000</b>		<b>4.000,000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu</b>	<b>2.836.758</b>		<b>2.836.758,000</b>



## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán năm 2024 đã được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 06/12/2023		Đề nghị điều chỉnh tăng, giảm (+/-)		Dự toán năm 2024 sau điều chỉnh	
	Ngân sách nhà nước	Ngân sách địa phương	Ngân sách nhà nước	Ngân sách địa phương	Ngân sách nhà nước	Ngân sách địa phương
<b>A - TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I-IV)</b>	<b>15.000.000</b>	<b>14.092.900</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>14.487.299,667</b>	<b>13.580.199,667</b>
<b>II. THU NỘI ĐỊA</b>	<b>14.267.000</b>	<b>13.809.900</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>13.754.299,667</b>	<b>13.297.199,667</b>
Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất; thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại; xổ số kiến thiết	8.000.000	7.542.900	-25.000,000	-25.000,000	7.975.000,000	7.517.900,000
<b>Trong đó:</b>						
1. Tiền sử dụng đất	6.112.000	6.112.000	-487.700,333	-487.700,333	5.624.299,667	5.624.299,667
- Tiền sử dụng đất	6.112.000	6.112.000	-500.000,000	-500.000,000	5.612.000,000	5.612.000,000
- Ghi thu ghi chi tiền bồi thường, GPMB			12.299,667	12.299,667	12.299,667	12.299,667
2. Tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước	50.000	50.000	-25.000,000	-25.000,000	25.000,000	25.000,000

*W mha*

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung chi	Dự toán năm 2024			Đề nghị điều chỉnh tăng, giảm (+/-)			Dự toán năm 2024 sau điều chỉnh		
	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố
<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>20.771.669</b>	<b>11.627.993</b>	<b>9.143.676</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>-</b>	<b>20.258.968,667</b>	<b>11.115.292,667</b>	<b>9.143.676</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển:</b>	<b>7.345.122</b>	<b>4.661.834</b>	<b>2.683.288</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>-512.700,333</b>	<b>-</b>	<b>6.832.421,667</b>	<b>4.149.133,667</b>	<b>2.683.288</b>
<i>Trong đó:</i>									
1. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (2)	6.080.300	3.568.300	2.512.000	-487.700,333	-487.700,333	-	5.592.599,667	3.080.599,667	2.512.000
- Tiền sử dụng đất	6.080.300	3.568.300	2.512.000	-500.000,000	-500.000,000		5.580.300,000	3.068.300,000	2.512.000
- Ghi thu ghi chi tiền bồi thường, GPMB	-			12.299,667	12.299,667		12.299,667	12.299,667	-
2. Chi từ nguồn thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	35.000	35.000	-	-25.000,000	-25.000,000		10.000,000	10.000,000	-
<b>II. Chi thường xuyên:</b>	<b>9.884.203</b>	<b>4.213.633</b>	<b>5.670.570</b>	<b>-4.000,000</b>	<b>-4.000,000</b>	<b>-</b>	<b>9.880.203,000</b>	<b>4.209.633,000</b>	<b>5.670.570</b>
13. Chi khác ngân sách	114.350	85.076	29.274	-4.000,000	-4.000,000		110.350,000	81.076,000	29.274
<b>V. Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay</b>	<b>16.000</b>	<b>16.000</b>	<b>-</b>	<b>4.000,000</b>	<b>4.000,000</b>		<b>20.000,000</b>	<b>20.000,000</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

(2): Đã trừ ngân sách tỉnh 31.700 triệu đồng để trả nợ gốc vay đến hạn.



**KINH PHÍ CHI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CỦA TỈNH VÀ CÁC NHIỆM VỤ CỦA NGÂN SÁCH TỈNH THEO CHỈ ĐẠO CỦA CẤP THẨM QUYỀN TẠI PHỤ LỤC 6  
NGHỊ QUYẾT SỐ 44/NQ-HĐND TỈNH NGÀY 27/9/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

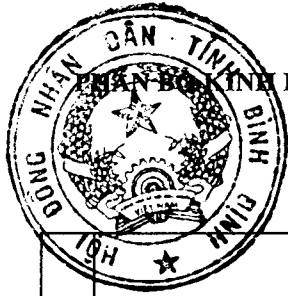
TT	Lĩnh vực chi/Nội dung	Theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh Bình Định	Dự toán điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)				Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:				
				Điều chỉnh từ các nguồn	Điều chỉnh giữa các lĩnh vực chi	Nguồn hoàn trả về ngân sách tỉnh của các cơ quan, đơn vị		
A	B	1	2=3+4+5	3	4	5	6=1+2	
	<b>Kinh phí chi thực hiện chế độ, chính sách của tỉnh và các nhiệm vụ của ngân sách tỉnh theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền còn lại tại Phụ lục 6 Nghị quyết số 44/NQ-HĐND tỉnh ngày 27/9/2024</b>	<b>39.852.241.200</b>	<b>74.127.097.114</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>74.127.097.114</b>	<b>113.979.338.314</b>	
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>380.465.000</b>	<b>7.191.722.000</b>	<b>0</b>	<b>408.841.000</b>	<b>6.782.881.000</b>	<b>7.572.187.000</b>	
	Giảm nguồn chi sự nghiệp môi trường, tăng tương ứng nguồn chi sự nghiệp kinh tế		408.841.000		408.841.000			
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Công Thương		4.231.381.000			4.231.381.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Xây dựng		629.000.000			629.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp		32.000.000			32.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		1.650.000.000			1.650.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường		240.500.000			240.500.000		
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>21.961.311.000</b>	<b>1.229.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.229.000.000</b>	<b>23.190.311.000</b>	
	Điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 để thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (Trường Cao đẳng Y tế)		262.000.000			262.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Công Thương		83.000.000			83.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Trường Chính trị		40.000.000			40.000.000		



TT	Lĩnh vực chi/Nội dung	Theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh Bình Định	Dự toán điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)				Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:				
				Điều chỉnh từ các nguồn	Điều chỉnh giữa các lĩnh vực chi	Nguồn hoàn trả về ngân sách tỉnh của các cơ quan, đơn vị		
A	B	1	2=3+4+5	3	4	5	6=1+2	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Hội Nông dân		21.000.000			21.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Y tế		25.000.000			25.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Thông tin và truyền thông		30.000.000			30.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		147.000.000			147.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Nội vụ		560.000.000			560.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Giao thông vận tải		61.000.000			61.000.000		
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>8.899.437.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.899.437.000</b>	<b>11.399.437.000</b>	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Quỹ Khoa học và công nghệ		4.671.000.000			4.671.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh		623.522.000			623.522.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ		3.604.915.000			3.604.915.000		
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	<b>2.793.080.000</b>	<b>699.416.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>699.416.000</b>	<b>3.492.496.000</b>	
	Điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 để thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (Báo Bình Định)		233.416.000			233.416.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Thông tin và truyền thông		466.000.000			466.000.000		
<b>5</b>	<b>Chi phát thanh truyền hình</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>6.785.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6.785.000.000</b>	<b>11.785.000.000</b>	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Đài Phát thanh truyền hình		6.785.000.000			6.785.000.000		
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Văn hóa và Thể thao		16.000.000.000			16.000.000.000		
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp môi trường</b>	<b>943.523.000</b>	<b>6.328.159.000</b>	<b>0</b>	<b>-408.841.000</b>	<b>6.737.000.000</b>	<b>7.271.682.000</b>	

TT	Lĩnh vực chi/Nội dung	Theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh Bình Định	Dự toán điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)			Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:			
				Điều chỉnh từ các nguồn	Điều chỉnh giữa các lĩnh vực chi		
A	B	1	2=3+4+5	3	4	5	6=1+2
	Giảm nguồn chi sự nghiệp môi trường, tăng tương ứng nguồn chi sự nghiệp kinh tế		-408.841.000		-408.841.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2.512.000.000			2.512.000.000	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường		4.225.000.000			4.225.000.000	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>0</b>	<b>10.955.931.114</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10.955.931.114</b>	<b>10.955.931.114</b>
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Quý Khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Bình Định		3.622.931.114			3.622.931.114	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Y tế		7.333.000.000			7.333.000.000	
<b>9</b>	<b>Chi đảm bảo xã hội</b>	<b>0</b>	<b>0</b>				<b>0</b>
<b>10</b>	<b>Chi hành chính nhà nước</b>	<b>599.573.600</b>	<b>13.781.432.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.781.432.000</b>	<b>14.381.005.600</b>
	Điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 để thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)		80.050.000			80.050.000	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Công Thương		188.000.000			188.000.000	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Hội Nông dân		645.000.000			645.000.000	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Xây dựng		86.000.000			86.000.000	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Tài chính		802.882.000			802.882.000	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Thông tin và truyền thông		6.647.000.000			6.647.000.000	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		217.000.000			217.000.000	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Thanh tra tỉnh		195.000.000			195.000.000	

TT	Lĩnh vực chi/Nội dung	Theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh Bình Định	Dự toán điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)				Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:				
				Điều chỉnh từ các nguồn	Điều chỉnh giữa các lĩnh vực chi	Nguồn hoàn trả về ngân sách tỉnh của các cơ quan, đơn vị		
A	B	1	2=3+4+5	3	4	5	6=1+2	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường		11.500.000			11.500.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Sở Nội vụ		342.000.000			342.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh		40.000.000			40.000.000		
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Văn phòng Tỉnh ủy		4.527.000.000			4.527.000.000		
11	<b>Chi an ninh</b>	0	0				0	
12	<b>Chi quốc phòng</b>	674.288.600	2.257.000.000	0	0	2.257.000.000	2.931.288.600	
	Điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		2.257.000.000			2.257.000.000		



**KINH PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TỪ NGUỒN CHI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CỦA TỈNH VÀ CÁC NHIỆM VỤ CỦA NGÂN SÁCH TỈNH THEO CHỈ ĐẠO CỦA CẤP THẨM QUYỀN**

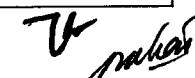
(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Lĩnh vực/Nội dung chi	Dự toán sau điều chỉnh	Đề nghị phân bổ cho các cơ quan, đơn vị		Dự toán còn lại	Ghi chú
			Đơn vị thụ hưởng	Số tiền		
I	Kinh phí chi thực hiện chế độ, chính sách của tỉnh và các nhiệm vụ của ngân sách tỉnh theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền	113.979.338.314	-	13.092.286.000	100.887.052.314	
1	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>7.572.187.000</b>		<b>2.019.072.000</b>	<b>5.553.115.000</b>	
	Kinh phí cho Sở Nông nghiệp và PTNT để thực hiện nhiệm vụ trợ giá sản phẩm công ích năm 2024		Sở Nông nghiệp và PTNT	408.841.000		
	Kinh phí thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể và xác định chênh lệch tiền sử dụng đất, thuê đất theo quy định; Nhiệm vụ quy hoạch		Sở Tài nguyên và Môi trường	1.352.631.000		
	Kinh phí tham gia Hội chợ xúc tiến thương mại kinh tế tập thể, hợp tác xã khu vực miền Nam		Liên minh Hợp tác xã	120.000.000		
	Kinh phí tổ chức sự kiện Gặp gỡ các doanh nghiệp Thái Lan		Sở Kế hoạch và Đầu tư	137.600.000		
2	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>23.190.311.000</b>		<b>4.882.000.000</b>	<b>18.308.311.000</b>	
	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí năm 2024		Trường Cao đẳng Y tế	4.882.000.000		
3	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>11.399.437.000</b>			<b>11.399.437.000</b>	
4	<b>Bổ sung dự toán năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh để thực hiện cải cách tiền lương năm 2024</b>	<b>3.492.496.000</b>			<b>3.492.496.000</b>	
5	<b>Chi phát thanh truyền hình</b>	<b>11.785.000.000</b>			<b>11.785.000.000</b>	
6	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	<b>21.000.000.000</b>			<b>21.000.000.000</b>	
7	<b>Chi sự nghiệp môi trường</b>	<b>7.271.682.000</b>			<b>7.271.682.000</b>	
8	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>10.955.931.114</b>		<b>4.332.000.000</b>	<b>6.623.931.114</b>	
	Bổ sung dự toán kinh phí năm 2024 cho Sở Y tế để thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ trong khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo và một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh; phục vụ tập luyện và dự thi của đội thi tỉnh Bình Định tham gia vòng thi chung kết Cuộc thi "Y tế cơ sở giỏi năm 2024" do Bộ Y tế tổ chức tại Hà Nội		Sở Y tế	3.418.000.000		

*V. M. K.*

TT	Lĩnh vực/Nội dung chi	Dự toán sau điều chỉnh	Đề nghị phân bổ cho các cơ quan, đơn vị		Dự toán còn lại	Ghi chú
			Đơn vị thụ hưởng	Số tiền		
	<i>Kinh phí thực hiện chi trả chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn</i>		<i>Sở Y tế</i>	<i>914.000.000</i>		
<b>9</b>	<b>Chi đảm bảo xã hội</b>	-			-	
<b>10</b>	<b>Chi hành chính nhà nước</b>	<b>14.381.005.600</b>		<b>1.859.214.000</b>	<b>12.521.791.600</b>	
	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội toàn thể Đoàn Luật sư tỉnh Nhiệm kỳ 2024-2029</i>		<i>Đoàn Luật sư tỉnh</i>	<i>20.000.000</i>		
	<i>Đề xuất chủ trương và kinh phí thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo đề nghị của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh</i>		<i>Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh</i>	<i>192.815.000</i>		
	<i>Bổ sung kinh phí hoạt động thu lệ phí năm 2024</i>		<i>Sở Giao thông vận tải</i>	<i>1.012.000.000</i>		
	<i>Kinh phí đón tiếp và làm việc với Đoàn công tác của Thứ trưởng Bộ Tư pháp kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản</i>		<i>Sở Nông nghiệp và PTNT</i>	<i>34.289.000</i>		
	<i>Bổ sung kinh phí xử lý tang vật (tiêu hủy) vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu</i>		<i>Sở Nông nghiệp và PTNT</i>	<i>36.140.000</i>		
	<i>Kinh phí tổ chức sự kiện Gặp gỡ các doanh nghiệp Thái Lan</i>		<i>Sở Ngoại vụ</i>	<i>563.970.000</i>		
<b>11</b>	<b>Chi an ninh</b>	-			-	
<b>12</b>	<b>Chi quốc phòng</b>	<b>2.931.288.600</b>			<b>2.931.288.600</b>	



**PHÂN BỐ KINH PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TỪ NGUỒN CHI KHÁC**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Lĩnh vực/Nội dung chi	Dự toán giao đầu năm	Quyết định phân bổ của UBND tỉnh	Đơn vị thụ hưởng	Dự toán phân bổ	Điều chỉnh giảm để tăng dự toán chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Dự toán còn lại	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ (A+B)</b>	<b>64.266.000.000</b>			<b>45.585.218.175</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>14.680.781.825</b>	
<b>A</b>	<b>Dự toán chi hỗ trợ học bổng hàng năm cho sinh viên Lào</b>	<b>8.000.000.000</b>			<b>5.327.517.000</b>		<b>2.672.483.000</b>	
1	Kinh phí cấp học bổng cho sinh viên, học viên các tỉnh Nam Lào			Trường Cao đẳng y tế	877.100.000			
2	Kinh phí cấp học bổng cho sinh viên, học viên các tỉnh Nam Lào			Trường Đại học Quy Nhơn	4.450.417.000			
<b>B</b>	<b>Dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể theo thực tế phát sinh</b>	<b>56.266.000.000</b>			<b>40.257.701.175</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>12.008.298.825</b>	
<b>I</b>	<b>Thống nhất kinh phí đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố</b>				<b>28.087.123.205</b>			
*	<b>Chi thực hiện các chính sách của địa phương</b>				<b>9.732.011.205</b>			
1	Kinh phí thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp tham gia Hội chợ Du lịch Quốc tế Hàn Quốc (KITS 2024)		3143/QĐ-UBND - 05/9/2024	Sở Du lịch	80.955.000			
2	Kinh phí thực hiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam - VITM Hanoi 2024		2156/QĐ-UBND - 19/06/2024	Sở Du lịch	240.000.000			
3	Kinh phí thực hiện hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hòa táng của các địa phương		1465/QĐ-UBND - 25/04/2024	UBND các huyện, thị xã	222.000.000			
4	Hỗ trợ kinh phí để tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số lần thứ IV năm 2024 của các huyện Văn Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão		1483/QĐ-UBND - 25/04/2024	UBND các huyện Văn Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão	1.500.000.000			
5	Kinh phí hỗ trợ mua giống lúa lai cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 trên địa bàn huyện Hoài Ân, An Lão sản xuất vụ Thu năm 2023 và vụ Đông Xuân năm 2023-2024 theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh		1858/QĐ-UBND - 25/05/2024	UBND các huyện Hoài Ân, An Lão	1.041.185.605			
6	Kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh năm 2024		2117/QĐ-UBND - 17/06/2024	UBND các huyện, thị xã	3.000.000.000			
7	Kinh phí thực hiện các chính sách cho cán bộ luân chuyển theo quy định tại Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 của UBND tỉnh. cho ngân sách huyện Vĩnh Thạnh năm 2024		2298/QĐ-UBND - 27/06/2024	UBND huyện Vĩnh Thạnh	23.400.000			



*Thư nhân*

TT	Lĩnh vực/Nội dung chi	Dự toán giao đầu năm	Quyết định phân bổ của UBND tỉnh	Đơn vị thụ hưởng	Dự toán phân bổ	Điều chỉnh giảm để tăng dự toán chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Dự toán còn lại	Ghi chú
8	Bổ sung dự toán năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh để thực hiện cải cách tiền lương năm 2024		1485/QĐ-UBND - 25/04/2024	UBND thị xã An Nhơn	2.033.970.600			
9	Kinh phí đi chuyên ra khỏi địa bàn để mai táng và sử dụng dịch vụ hỏa táng (đợt 2) cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố		2709/QĐ-UBND - 26/07/2024	UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.272.500.000			
10	Kinh phí phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri của Tổ đại biểu HĐND tỉnh năm 2024 cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố		3694/QĐ-UBND - 23/10/2024	UBND các huyện, thị xã, thành phố	318.000.000			
**	<b>Chi thực hiện các nhiệm vụ của địa phương theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền</b>				<b>18.355.112.000</b>			
1	Điều chỉnh giảm nguồn chi khác ngân sách trong dự toán năm 2024; đồng thời, điều chỉnh tăng tương ứng nguồn chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình thực hiện chế độ, chính sách của tỉnh và các nhiệm vụ của ngân sách tỉnh theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền năm 2024 để bổ sung dự toán cho Sở Y tế phân bổ cho Bệnh viện đa khoa tỉnh tổ chức thực hiện sửa chữa Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền một bình diện Siemens AG phục vụ công tác khám chữa bệnh		1902/QĐ-UBND - 29/5/2024	Sở Y tế	1.077.000.000			
2	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nhằm đảm bảo ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội địa phương cho Công an tỉnh để hỗ trợ cho Công an chính quy các xã, thị trấn		1355/QĐ-UBND - 17/04/2024	Công an tỉnh	5.040.000.000			
3	Kinh phí hỗ trợ cho tỉnh Điện Biên nhân dịp Kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ theo lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 51/LĐCP ngày 15/02/2024		967/QĐ-UBND - 26/03/2024	Ngân sách tỉnh Điện Biên	500.000.000			
4	Kinh phí hỗ trợ cho Quỹ vì người nghèo tỉnh Hà Tĩnh theo Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 04/05/2024 của UBND tỉnh tổ chức đoàn công tác đi làm việc, xúc tiến đầu tư, thương mại tại tỉnh Hà Tĩnh		1633/QĐ-UBND - 09/05/2024	Quỹ vì người nghèo tỉnh Hà Tĩnh	2.000.000.000			
5	Kinh phí hỗ trợ cho Cục Thuế tỉnh để thực hiện tăng cường công tác quản lý thuế năm 2024 trên địa bàn tỉnh		2031/QĐ-UBND - 07/06/2024	Cục Thuế	3.288.000.000			

*Thư ký*

TT	Lĩnh vực/Nội dung chi	Dự toán giao đầu năm	Quyết định phân bổ của UBND tỉnh	Đơn vị thụ hưởng	Dự toán phân bổ	Điều chỉnh giảm để tăng dự toán chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Dự toán còn lại	Ghi chú
6	Kinh phí xây dựng hệ thống điện cho thôn O2, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh năm 2024		2808/QĐ-UBND - 05/08/2024	UBND huyện Vĩnh Thạnh	2.560.333.000			
7	Kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác chung cho huyện Hoài Ân và huyện Vĩnh Thạnh		3338/QĐ-UBND - 25/09/2024	UBND huyện Vĩnh Thạnh và Hoài Ân	2.516.000.000			
11	Kinh phí phục vụ Đoàn công tác của tỉnh đi thăm và làm việc tại CHDCND Lào		1131/QĐ-UBND - 04/04/2024	Sở Ngoại vụ	150.000.000			
12	Kinh phí hỗ trợ cho Cục Thống kê tỉnh để tổ chức gặp mặt nhân Hội nghị tập huấn toàn quốc về nghiệp vụ Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 tại Bình Định		1638/QĐ-UBND - 09/05/2024	Cục Thống kê	37.500.000			
13	Kinh phí hỗ trợ thực hiện tiếp tục duy trì, quản lý, bảo vệ, phát huy các giá trị di tích lịch sử trên địa bàn huyện Phù Cát năm 2024		2598/QĐ-UBND - 18/07/2024	UBND huyện Phù Cát	161.479.000			
14	Kinh phí hỗ trợ tổ chức Lễ kỷ niệm 60 năm Chiến thắng An Lão (7/12/1964 - 7/12/2024) năm 2024 cho huyện An Lão		2764/QĐ-UBND - 31/07/2024	UBND huyện An Lão	1.000.000.000			
15	Kinh phí hỗ trợ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Định phục vụ Đoàn kiểm tra liên ngành công tác quản lý hoạt động kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh		2948/QĐ-UBND - 16/08/2024	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Định	24.800.000			
<b>II</b>	<b>Đề nghị phân bổ tiếp cho các cơ quan, đơn vị</b>				<b>12.170.577.970</b>			
1	Kinh phí thực hiện công trình khắc phục điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, điểm bất cập hạ tầng giao thông bổ sung năm 2024 cho Ban An toàn giao thông tỉnh			Ban An toàn giao thông	2.000.000.000			
2	Kinh phí để thực hiện mua sắm mới 01 xe ô tô 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.265.000.000			
3	Kinh phí thực hiện hỗ trợ hoạt động điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh cho Cục Thống kê tỉnh			Cục Thống kê	710.494.000			
4	Kinh phí thực hiện việc trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với dự án Điểm số 2 (2-1), Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến, xã Cát Chánh, huyện Phù Cát (lần 2) năm 2024 cho Ban Quản lý Khu kinh tế			Ban Quản lý Khu kinh tế	1.481.451.970			

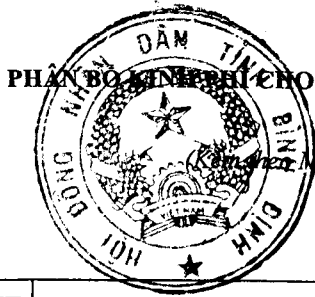


*Handwritten signature or initials.*



TT	Lĩnh vực/Nội dung chi	Dự toán giao đầu năm	Quyết định phân bổ của UBND tỉnh	Đơn vị thụ hưởng	Dự toán phân bổ	Điều chỉnh giảm để tăng dự toán chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Dự toán còn lại	Ghi chú
5	Kinh phí thực hiện việc trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với dự án Điểm số 2 (2-2), Khu du lịch biển Nhơn Lý – Cát Tiên, xã Cát Chánh, huyện Phù Cát (lần 2) năm 2024 cho Ban Quản lý Khu kinh tế			Ban Quản lý Khu kinh tế	5.692.785.000			
6	Kinh phí trang bị bổ sung thiết bị kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ vận hành hệ thống VMS			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.020.847.000			

*TK*  
*nhân*



**PHÂN BỐ KINH PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ TỪ NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NGÂN SÁCH TỈNH**

Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng cộng</b>		<b>412.538,810</b>	
<b>A</b>	<b>Bổ sung dự toán năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị dự toán khối tỉnh</b>	<b>135.533,810</b>	
<b>I</b>	<b>Thực hiện chính sách tinh giản biên chế tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ và nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ</b>	<b>1.346,720</b>	
*	<b>Thống nhất kinh phí đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị</b>	<b>707,706</b>	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	276,220	
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	82,230	
3	Sở Nội vụ	185,609	
4	Sở Y tế	163,647	
**	<b>Phân bổ tiếp cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các chính sách</b>	<b>639,014</b>	
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	156,093	
2	Sở Văn hóa và Thể thao	213,624	
3	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	269,297	
<b>II</b>	<b>Bổ sung dự toán năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh để thực hiện cải cách tiền lương năm 2024</b>	<b>134.187,09</b>	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	749,79	
2	Văn phòng UBND tỉnh	1.218,98	
3	Sở Ngoại Vụ	367,18	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6.468,27	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	930,68	
6	Sở Tư pháp	747,59	
7	Sở Công thương	708,78	
8	Sở Khoa học và Công nghệ	795,25	
9	Sở Tài chính	1.097,80	
10	Sở Xây dựng	422,52	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	56.244,09	
12	Sở Y tế	46.132,57	
13	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2.718,71	
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.066,03	
15	Sở Thông tin và Truyền thông	533,85	
16	Sở Du lịch	412,73	
17	Sở Văn hóa và Thể thao	2.804,79	
18	Sở Nội vụ	1.192,60	
19	Thanh tra tỉnh	914,23	
20	Đài phát thanh truyền hình	740,08	
21	Ban Dân tộc	267,93	
22	Ban quản lý Khu kinh tế	357,54	
23	Tỉnh ủy Bình Định	4.545,22	
24	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh	386,44	
25	Đoàn thanh niên cộng sản HCM tỉnh	426,28	
26	Hội Liên hiệp phụ nữ	382,96	
27	Hội nông dân tỉnh	413,52	
28	Hội Cựu chiến binh	145,71	
29	Trường Chính trị	732,28	
30	Ban An toàn giao thông tỉnh	69,96	
31	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	192,73	
<b>B</b>	<b>Bổ sung có mục tiêu năm 2024 cho ngân sách các huyện, thị xã để thực hiện cải cách tiền lương năm 2024</b>	<b>277.005</b>	

TK

STT	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
1	An Nhơn	4.507	
2	Tuy Phước	37.005	
3	Tây Sơn	20.648	
4	Phù Cát	22.843	
5	Phù Mỹ	56.028	
6	Hoài Ân	37.890	
7	Hoài Nhơn	60.155	
8	Vĩnh Thạnh	6.221	
9	An Lão	31.708	

*Th. m. h. o. n*



**BỘ SỔNG CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO TRỢ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đvt: triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng nhu cầu	Trong đó	
			Kinh phí thực hiện đối tượng theo ND số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	Kinh phí thực hiện đối tượng theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 và Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh
1	Thành phố Quy Nhơn	22.086,2	21.992,6	93,6
2	Thị xã An Nhơn	23.402,2	22.529,2	873,0
3	Huyện Tuy Phước	25.927,3	24.578,2	1.349,1
4	Huyện Tây Sơn	15.219,7	14.308,9	910,8
5	Huyện Phù Cát	26.005,8	24.418,2	1.587,6
6	Huyện Phù Mỹ	26.180,0	25.017,2	1.162,8
7	Huyện Hoài Ân	9.940,4	9.116,9	823,5
8	Thị xã Hoài Nhơn	30.174,9	28.644,9	1.530,0
9	Huyện Vân Canh	1.900,1	689,6	1.210,5
10	Huyện Vĩnh Thạnh	5.953,9	4.603,9	1.350,0
11	Huyện An Lão	3.919,2	2.793,3	1.125,9
<b>Tổng cộng</b>		<b>190.709,7</b>	<b>178.692,9</b>	<b>12.016,8</b>

*Thư ký*



**BỔ SUNG VÀ PHÂN KHAI CHI TIẾT NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2024 CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Đơn vị	Dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 chuyển sang năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 chuyển sang năm 2024 sau điều chỉnh	Phân khai chi tiết theo nội dung thành phần										
					Nội dung thành phần số 1 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 2 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 3 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 4 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 5 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 6 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 7 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 8 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 9 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 10 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 11 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.000,0</b>	<b>-</b>	<b>2.000,0</b>	<b>195,0</b>	<b>325,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10,0</b>	<b>521,7</b>	<b>948,3</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>UBND Huyện Hoài Ân</b>	<b>200,0</b>	<b>220,0</b>	<b>420,0</b>	<b>145,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>125,0</b>	<b>150,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Xã Ân Hảo Tây	110,0	30,0	140,0	75					65,0					
2	Xã Ân Thạnh	90,0	(90,0)	-											
3	Xã Ân Tường Đông	-	140,0	140,0	70						70,0				
4	Xã Ân Hữu	-	140,0	140,0						60,0	80,0				
<b>II</b>	<b>UBND thành phố Quy Nhơn</b>	<b>180,0</b>	<b>-180,0</b>	<b>0,0</b>											
1	Xã Nhơn Châu	90,0	-90,0	-											
2	Xã Nhơn Hải	90,0	-90,0	-											
<b>III</b>	<b>UBND thị xã An Nhơn</b>	<b>180,0</b>	<b>-180,0</b>	<b>0,0</b>											
1	Xã Nhơn Hạnh	90,0	-90,0	0,0											
2	Xã Nhơn Mỹ	90,0	-90,0	0,0											
<b>IV</b>	<b>UBND Huyện Phù Mỹ</b>	<b>90,0</b>	<b>610,0</b>	<b>700,0</b>	<b>-</b>	<b>95,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10,0</b>	<b>306,7</b>	<b>288,3</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Xã Mỹ Trinh	90,0	-90,0	0,0											
2	Xã Mỹ Thành		140,0	140,0		95,0					45,0				
3	Xã Mỹ An		140,0	140,0					10,0	80,0	50,0				
4	Xã Mỹ Thắng		140,0	140,0							140,0				
5	Xã Mỹ Đức		140,0	140,0						86,7	53,3				
6	Xã Mỹ Chánh		140,0	140,0											
<b>V</b>	<b>UBND huyện Phù Cát</b>	<b>270,0</b>	<b>-270,0</b>	<b>0,0</b>											
1	Xã Cát Nhơn	90,0	-90,0	0,0											
2	Xã Cát Tài	90,0	-90,0	0,0											

*V. Nhon*

TT'	Đơn vị	Dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 chuyển sang năm 2024	Dự toán đề nghị điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 chuyển sang năm 2024 sau điều chỉnh	Phân khai chi tiết theo nội dung thành phần											
					Nội dung thành phần số 1 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 2 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 3 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 4 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 5 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 6 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 7 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 8 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 9 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 10 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 11 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	
3	Xã Cát Minh	90,0	-90,0	0,0												
<b>VI</b>	<b>UBND Huyện Tuy Phước</b>	<b>600,0</b>	<b>-370,0</b>	<b>230,0</b>	-	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	230,0	-	-	-	-	-
1	Xã Phước Hiệp	90,0	-90,0	0,0												
2	Xã Phước Lộc	210,0	-210,0	0,0												
3	Xã Phước Hòa	210,0	20,0	230,0							230,0					
4	Xã Phước Hưng	90,0	-90,0	0,0												
<b>VII</b>	<b>UBND thị xã Hoài Nhơn</b>	<b>180,0</b>	<b>-180,0</b>	<b>0,0</b>												
1	Xã Hoài Châu	90,0	-90,0	0,0												
2	Xã Hoài Mỹ	90,0	-90,0	0,0												
<b>VIII</b>	<b>UBND Huyện Tây Sơn</b>	<b>300,0</b>	<b>350,0</b>	<b>650,0</b>	50,0	230,0	0,0	0,0	0,0	90,0	280,0	-	-	-	-	-
1	Xã Bình Nghi	90,0	-90,0	0,0												
2	Xã Bình Tân	0,0	140,0	140,0	50					90,0						
3	Xã Bình Thành	0,0	140,0	140,0							140,0					
4	Xã Tây Giang	0,0	140,0	140,0							140,0					
5	Xã Vĩnh An	210,0	20,0	230,0		230,0										

*W m h o n*



**PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP ĐỐI ƯNG NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Kiểm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp đối ứng ngân sách tỉnh năm 2024	Đầu mối giao kế hoạch vốn	Dự toán đề nghị điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nội dung thành phần số 3: Hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm</b>	<b>1.200</b>		<b>-</b>	<b>1.200</b>	<b>Phụ lục II, Quyết định 938/QĐ-UBND ngày 21/3/2024</b>
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.200		-920	280	
2	Chi giải thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt OCOP 3 sao năm 2024 huyện An Lão (4 chủ thể)		UBND huyện An Lão	32	32	
3	Chi giải thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt OCOP 3 sao năm 2024 thị xã An Nhơn (23 chủ thể)		UBND thị xã An Nhơn	184	184	
4	Chi giải thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt OCOP 3 sao năm 2024 huyện Hoài Ân (14 chủ thể)		UBND huyện Hoài Ân	112	112	
5	Chi giải thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt OCOP 3 sao năm 2024 thị xã Hoài Nhơn (13 chủ thể)		UBND thị xã Hoài Nhơn	104	104	
6	Chi giải thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt OCOP 3 sao năm 2024 huyện Phù Cát (15 chủ thể)		UBND huyện Phù Cát	120	120	
7	Chi giải thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt OCOP 3 sao năm 2024 huyện Phù Mỹ (18 chủ thể)		UBND huyện Phù Mỹ	144	144	
8	Chi giải thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt OCOP 3 sao năm 2024 thành phố Quy Nhơn (13 chủ thể)		UBND thành phố Quy Nhơn	104	104	
9	Chi giải thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt OCOP 3 sao năm 2024 huyện Tây Sơn (4 chủ thể)		UBND huyện Tây Sơn	32	32	
10	Chi giải thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt OCOP 3 sao năm 2024 huyện Tuy Phước (11 chủ thể)		UBND huyện Tuy Phước	88	88	

*Handwritten signature*